

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-PT

Ngày 07/4/2023

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Từ

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hải Minh và bà Thái Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31/3/2023 và ngày 07/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 21/2022/TLPT-HNGĐ ngày 19/10/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXPT-HNGĐ ngày 01/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thanh Ng, sinh năm 1981. Nơi ĐKKHKT: xóm Đông X, xã Trung Phúc C, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: xóm 1, xã Nam K, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1980. Địa chỉ: xóm Đông X, xã Trung Phúc C, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

* Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Đặng Thanh Ng và bị đơn anh Nguyễn Ngọc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh Ng trình bày: Chị Nguyễn Thanh Ng kết hôn với anh Nguyễn Ngọc L vào ngày 17/10/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Phúc (nay là xã Trung Phúc C), huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân

hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách, lối sống, suy nghĩ, quan điểm không hợp nhau, chồng sa vào rượu chè bê tha bị thôi việc ở công ty. Về nhà không chịu khó làm ăn mà thường xuyên say xỉn, không có trách nhiệm với vợ con gia đình, để mình chị gánh vác lo mọi thứ cho gia đình. Mâu thuẫn gia đình quá trầm trọng nên từ năm 2021 chị và hai con về bên ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, anh L không đi lại thăm hỏi con mặc cho cháu Nguyễn Tuấn V bị bệnh tật ốm đau phải đi chữa trị nhiều nơi. Nay chị không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu được ly hôn. Mặc cho anh L có nguyện vọng được đoàn tụ.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung: Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 29/3/2008 và Nguyễn Trà M, sinh ngày 24/7/2010. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng một lần, mức cấp dưỡng thì theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị đồng ý với mức cấp dưỡng 600.000 đồng/tháng của anh L nhưng buộc anh L phải cấp dưỡng một lần để chị có tiền chữa trị bệnh cho cháu V.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu chia tài sản chung của hai vợ chồng gồm:

Về đất: Thửa đất số 66, tờ bản đồ 13, diện tích 300m², hình thức sử dụng: Riêng, mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn tại xóm 2, xã Nam Phúc (nay là xóm Đông X, xã Trung Phúc C), huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An được UBND huyện Nam Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/01/2014 mang tên Nguyễn Ngọc L – Đặng Thanh Ng. Nguồn gốc thửa đất này hai vợ chồng mua theo hình thức định giá, ưu tiên cho đối tượng chính sách vì anh L là thương binh. Số tiền mua đất là của chị vay mượn bên ngoài, anh em, bạn bè. Đây là tài sản chung của chị và anh L. Yêu cầu Tòa án chia theo quy định của pháp luật. Chị Ng yêu cầu chia thửa đất như sau: Chiều rộng thửa đất là 13,62m chia đôi, mỗi người một nửa diện tích mặc dù ảnh hưởng đến ngôi nhà.

Về tài sản trên đất gồm:

- 01 nhà ở cấp 4, xây tấp lô, mái lợp ngói đỏ, nền lát gạch men, móng đá hộc 1m, có công trình phụ khép kín trong nhà, cao 3m, trị giá 88.927.000 đồng; 01 nhà bếp gạch tấp lô, mái lợp p rô xi măng bán mái, nền lát gạch xi măng, móng đá hộc 1m, trị giá 11.172.000 đồng; 01 chái tôn thường sau nhà ở, trị giá 3.203.000 đồng; 01 nền chái bê tông đá dăm, dày 10 cm, trị giá 960.000 đồng; 01 sân bê tông, đá dăm dày 10 cm, trị giá 1.408.000 đồng; 01 mái tôn thường che sân, khung tuýp sắt, trị giá 5.814.000 đồng; 01 trụ cổng lõi bê tông cốt thép, xây dựng gạch tấp lô, trị giá 2.160.000 đồng; Cửa cổng khung tuýp nước thép vuông, trị giá 2.970.000 đồng. Tường xây tấp lô, da trát 2 bên, dày 17cm, 27m², trị giá 1.960.000 đồng + Tường da trát 54m², trị giá 2.074.000 đồng = 4.034.000 đồng. Hàng rào thép B40, trị giá 2.836.092 đồng. Tổng giá trị các tài sản trên đất là: 123.484.092 đồng.

Đây là các tài sản chung của chị và anh L. Chị yêu cầu chia các tài sản này theo quy định của pháp luật. Tài sản nào nằm trên diện tích của ai thì người đó được sở hữu và trích chênh lệch tài sản nếu ai nhận nhiều hơn.

Về khoản nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc L trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Về ngày tháng năm, điều kiện, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn đúng như chị Ng trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường chứ không có mâu thuẫn trầm trọng như chị Ng trình bày. Anh thừa nhận đôi lúc có uống rượu nhưng không đến mức độ như chị Ng khai. Anh đang còn tình cảm với chị Ng nên muốn đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con cái. Trường hợp chị Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì anh cũng đành chấp nhận.

Về con chung: Anh và chị Ng có 02 con chung như chị Ng trình bày. Quá trình giải quyết vụ án thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung và không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh không được nuôi hai con thì yêu cầu nuôi con trai Nguyễn Tuấn V. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh tự nguyện đồng ý nhường hai con chung cho chị Ng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng 600.000 đồng/tháng (mỗi con 300.000 đồng/tháng), nếu có thì anh sẽ cho các con thêm.

Về tài sản:

Về đất: Thửa đất số 66, tờ bản đồ 13, diện tích 300m², hình thức sử dụng: Riêng, mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn tại xóm 2, xã Nam Phúc (nay là xóm Đông X, xã Trung Phúc C), huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An được UBND huyện Nam Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/01/2014 mang tên Nguyễn Ngọc L – Đặng Thanh Ng. Nguồn gốc thửa đất mua theo hình thức định giá của UBND xã Trung Phúc C ưu tiên cho đối tượng chính sách vì anh là thương binh 4/4, mất sức 22%. Tiền mua đất là của anh. Đây là tài sản riêng của anh mặc cho giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Ngọc L – Đặng Thanh Ng. Anh không đồng ý chia đất cho chị Ng mà để lại cho con trai Nguyễn Tuấn V.

Về các tài sản trên đất: Về các tài sản số lượng, trị giá đồng ý với nguyên đơn chị Ng và của Hội đồng định giá. Đây là các tài sản chung của anh và chị Ng. Anh tự nguyện cho chị Ng toàn bộ tài sản trên đất này.

Về khoản nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 19, 28, 29, 33, 34, 35, 38, 39, 40, 51, 56, 59, 62, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 271 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thanh Ng;

1.1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thanh Ng được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L.

1.2. Về con chung:

Giao hai con chung Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 29/3/2008 và Nguyễn Trà M, sinh ngày 24/7/2010 cho chị Đặng Thanh Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Buộc anh Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Ng số tiền 600.000đ/tháng (mỗi con 300.000 đồng/tháng) kể từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành.

1.3. Về tài sản chung:

- Chia cho anh Nguyễn Ngọc L thừa đất 235, diện tích 120m², trị giá 120.000.000 đồng và các tài sản trên đất, gồm: 01 nhà ở cấp 4, xây tấp lô, mái lợp ngói đỏ, nền lát gạch men, móng đá hộc 1m, có công trình phụ khép kín trong nhà, cao 3m, trị giá 88.927.000 đồng; 01 nhà bếp gạch tấp lô, mái lợp phô xi măng bán mái, nền lát gạch xi măng, móng đá hộc 1m, trị giá 11.172.000 đồng; 01 chái tôn thường sau nhà ở, trị giá 3.203.000 đồng; 01 nền chái bê tông đá dăm, dày 10 cm, trị giá 960.000 đồng; 01 sân bê tông, đá dăm dày 10 cm, trị giá 1.408.000 đồng; 01 trụ cổng lõi bê tông cốt thép, xây dựng gạch tấp lô, trị giá 2.160.000 đồng; Cửa cổng khung tuýp nước thép vuông, trị giá 2.970.000 đồng. Tường xây tấp lô, da trát 2 bên, dày 17 cm, 27m², trị giá 1.960.000 đồng + Tường da trát 54m², trị giá 2.074.000 đồng = 4.034.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản trên đất là: 114.834.000 đồng. Tổng tài sản đất và tài sản trên đất mà anh L được chia là 234.834.000 đ (Hai trăm ba mươi tư triệu, tám trăm ba mươi tư nghìn đồng).

Cụ thể tứ cận thừa đất 235, diện tích 120m² như sau:

Phía Bắc giáp đường bê tông xóm, kích thước 9,76m;

Phía Nam giáp thừa đất số 234, kích thước 9,71m;

Phía Tây giáp thừa đất số 234, kích thước 12,76m;

Phía Đông giáp ruộng nước, tường rào, đất vườn của gia đình ông Hồ Đình Nhật, kích thước 11,84m;

(có sơ đồ kèm theo)

- Chia cho chị Đặng Thanh Ng thừa đất 234, diện tích 180m², trị giá 180.000.000 đồng và các tài sản trên đất là 01 mái tôn thường che sân, khung tuýp sắt, trị giá 5.814.000 đồng và hàng rào thép gai B40 có giá 2.836.092 đồng. Tổng

giá trị tài sản là 188.650.092đ (một trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, không trăm chín mươi hai đồng).

Cụ thể tứ cận thửa đất 234, diện tích 180m² như sau:

Phía Bắc giáp đường bê tông xóm, có kích thước 3,86m;

Phía Nam giáp phần diện tích đất nông nghiệp của Nhà nước, kích thước 13,62m;

Phía Tây giáp lô đất số 02 – thửa 65, đất đầu giá của UBND xã Trung Phúc C, kích thước 23,16m;

Phía Đông giáp đất hai cạnh phía thửa đất số 235 có các kích thước 12,76m và 9,71m; giáp đất vườn của gia đình ông Hồ Đình Nhật, kích thước 9,18m;

(có sơ đồ kèm theo)

- Anh Nguyễn Ngọc L và chị Đặng Thanh Ng có trách nhiệm liên hệ đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc anh Nguyễn Ngọc L trích chênh lệnh tài sản cho chị Đặng Thanh Ng số tiền 53.091.954đ (Năm mươi ba triệu, không trăm chín mươi một nghìn, chín trăm năm mươi tư đồng).

- Các phần tài sản xây dựng ngoài diện tích Thửa đất số 66, tờ bản đồ 13, gồm: 01 đoạn tường rào dài 21,82m, cổng trụ cổng phía Bắc; 01 đoạn hàng rào thép gai B40 dài 14,62m phía Tây (nằm trên thửa đất lô số 2, thửa đất 65), các đương sự phải tháo dỡ khi có yêu cầu.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/6/2022 và ngày 04/7/2022, bị đơn anh Nguyễn Ngọc L và nguyên đơn chị Đặng Thanh Ng kháng cáo một phần Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An với lý do: anh Nguyễn Ngọc L không đồng ý với cách phân chia quyền sử dụng đất là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại xóm Đông X, xã Trung Phúc C, huyện Nam Đ vì thửa đất này được cấp riêng cho anh là đối tượng thương binh, anh không đồng ý chia mà để lại cho con trai khi con đủ tuổi trưởng thành. Chị Đặng Thanh Ng yêu cầu cấp phúc thẩm phân chia lại quyền sử dụng đất trên như sau: Chiều rộng thửa đất là 13,62m bám mặt đường xóm, chiều dài cạnh trái là 23,16m và cạnh phải là 21,02m, đề nghị chia đôi thành 02 thửa đất có kích thước 6,7mx23,16m=155m² và một thửa đất có kích thước 6,92mx21,02m=145m².

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Ngọc L vắng mặt, chị Đặng Thanh Ng yêu cầu cấp phúc thẩm phân chia lại quyền sử dụng đất như kháng cáo của chị; hoặc giao nhà đất phía trước cho chị để có chỗ ở cho chị và hai con nhỏ, giao cho anh L phần đất phía sau.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc L. Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của chị Đặng Thanh Ng, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính giá trị phần đất mỗi đương sự được chia để bù trừ chênh lệch tương xứng bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con chưa thành niên sau ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc L kháng cáo được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên bị coi như từ bỏ việc kháng cáo. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc L.

[2] Chị Nguyễn Thanh Ng kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm phân chia lại quyền sử dụng thửa đất số 66, tờ bản đồ số 13, tại xóm 2, xã Nam Phúc (nay là xóm Đông X, xã Trung Phúc C), huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An như sau: Chiều rộng thửa đất là 13,62m bám mặt đường xóm, chiều dài cạnh trái là 23,16m và cạnh phải là 21,02m, đề nghị chia đôi thành 02 thửa đất có kích thước $6,7m \times 23,16m = 155m^2$ và một thửa đất có kích thước $6,92m \times 21,02m = 145m^2$. Theo chị Ng, chia như vậy để hai thửa đất đều có phần bám mặt đường xóm và có phần phía sau để đảm bảo cho chị Nguyễn Thanh Ng và hai người con của chị có nơi ở thuận lợi sinh hoạt, đảm bảo cuộc sống ổn định cho cả hai bên vợ chồng sau ly hôn. Trường hợp yêu cầu của chị không được chấp nhận thì chị yêu cầu được sử dụng phần có nhà để có chỗ ở cho chị và hai con nhỏ. Xét thấy: Theo hiện trạng thì trên thửa đất số 66, tờ bản đồ số 13 của chị Đặng Thanh Ng và anh Nguyễn Ngọc L tại xóm Đông X, xã Trung Phúc C, huyện Nam Đ, diện tích $300m^2$ có chiều bám mặt đường xóm là 13,62m, nếu chia như yêu cầu của chị Ng để hai bên đều có chiều dài bám đường xóm như nhau thì sẽ ảnh hưởng đến các công trình xây dựng trên đất. Vì trừ phần ngôi nhà và các công trình xây dựng trên đất thì chiều dài phía bám đường xóm chỉ còn lại 3,86m. Cho nên án sơ thẩm đã quyết định chia thửa đất theo hướng phía trước dựa vào các tài sản hiện có trên thửa đất và giao cho anh L phần đất có nhà và các tài sản trên đất và giao cho chị Ng phần diện tích đất trống và buộc anh L trích chênh lệch tài sản cho chị Ng.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh L vắng mặt. Chị Ng đề nghị được sử dụng phần đất có nhà để ở và nuôi con, chị sẽ trích chênh lệch cho anh L. Xét thấy, chị Ng là phụ nữ, đang nuôi hai con chưa thành niên, trong đó cháu Nguyễn Tuấn V, sinh năm 2008 bị bệnh tật bẩm sinh phải điều trị lâu dài và tốn kém, số tiền cấp dưỡng của anh L cho con chung chỉ 300.000đ/tháng/một cháu là quá ít so với thực

tế. Cho nên chị Ng sẽ gặp không ít khó khăn khi phải trực tiếp nuôi con và tạo lập nơi ở sau ly hôn. Anh L là thương binh 4/4 (tỷ lệ mất sức 22%), nhưng theo xác minh tại địa phương thì anh L vẫn tham gia lao động, theo công trình cầu đường làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Vì vậy án sơ thẩm không giao nhà và các công trình trên đất cho chị Ng sử dụng là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho phụ nữ và con chưa thành niên. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của chị Ng để sửa bản án sơ thẩm. Giao phần đất có nhà và các tài sản trên đất cho chị Ng. Buộc chị Ng phải trích chênh lệch tài sản cho anh L là phù hợp.

[4] Thừa đất số 66, tờ bản đồ 13, diện tích 300m² được chia thành hai thửa đất là thửa đất số 234, diện tích 180m² và thửa đất số 235, diện tích 120m² (số liệu do chi nhánh Văn phòng đăng ký đất Nam Đ cung cấp). Giao cho chị Ng thửa đất số 235, diện tích 120m² và các tài sản trên đất. Giao cho anh L thửa đất số 234, diện tích 180m² và các tài sản trên đất. Thửa đất 235, diện tích 120m², trị giá 120 triệu đồng, nhưng phần tiếp giáp đường xóm nhiều hơn, vị trí địa lý thuận tiện hơn. Còn thửa 234, diện tích 180m², trị giá 180 triệu, nhưng phần tiếp giáp đường xóm chỉ 3,86m, nên không tính phần chênh lệch tài sản đối với quyền sử dụng đất. Chỉ tính trích chênh lệch đối với tài sản trên đất, trên cơ sở cân đối giá trị tài sản. Cụ thể: Giao cho chị Ng được sử dụng tài sản trên thửa số 235 là 114.834.000 đồng; giao cho anh L sử dụng tài sản trên thửa số 234 là 8.650.092 đồng. Cân đối giá trị thì chị Ng phải trích chênh lệch tài sản cho anh L là 53 triệu đồng.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc L từ bỏ kháng cáo nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, anh Nguyễn Ngọc L là thương binh thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Kháng cáo của chị Ng được chấp nhận nên chị Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Điều 293, khoản 3 Điều 296, khoản 2 điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Ngọc L.

2. Chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn chị Đặng Thanh Ng, sửa bản án sơ thẩm về quan hệ tài sản.

2.1. Chia cho chị Đặng Thanh Ng thửa đất 235, diện tích 120m², trị giá 120.000.000 đồng và các tài sản trên đất, gồm: 01 nhà ở cấp 4, xây tấp lồ, mái lợp ngói đỏ, nền lát gạch men, móng đá hộc 1m, có công trình phụ khép kín trong nhà, cao 3m, trị giá 88.927.000 đồng; 01 nhà bếp gạch tấp lồ, mái lợp xô xi măng bán mái, nền lát gạch xi măng, móng đá hộc 1m, trị giá 11.172.000 đồng; 01 chái

tôn thường sau nhà ở, trị giá 3.203.000 đồng; 01 nền chái bê tông đá dăm, dày 10 cm, trị giá 960.000 đồng; 01 sân bê tông, đá dăm dày 10 cm, trị giá 1.408.000 đồng; 01 trụ cổng lõi bê tông cốt thép, xây dựng gạch táp lô, trị giá 2.160.000 đồng; Cửa cổng khung tuýp nước thép vuông, trị giá 2.970.000 đồng. Tường xây táp lô, da trát 2 bên, dày 17cm, 27m², trị giá 1.960.000 đồng + Tường da trát 54m², trị giá 2.074.000 đồng = 4.034.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản trên đất là: 114.834.000 đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất mà chị Ng được chia là 234.834.000 đ (Hai trăm ba mươi tư triệu, tám trăm ba mươi tư nghìn đồng). Cụ thể tứ cận thửa đất 235, diện tích 120m² như sau:

Phía Bắc giáp đường bê tông xóm, kích thước 9,76m;

Phía Nam giáp thửa đất số 234, kích thước 9,71m;

Phía Tây giáp thửa đất số 234, kích thước 12,76m;

Phía Đông giáp nương nước, tường rào, đất vườn của gia đình ông Hồ Đình Nhật, kích thước 11,84m;

(có sơ đồ kèm theo)

2.2. Chia cho anh Nguyễn Ngọc L thửa đất 234, diện tích 180m², trị giá 180.000.000 đồng và các tài sản trên đất là 01 mái tôn thường che sân, khung tuýp sắt, trị giá 5.814.000 đồng và hàng rào thép gai B40 có giá 2.836.092 đồng. Tổng giá trị tài sản là 188.650.092đ (một trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, không trăm chín mươi hai đồng). Cụ thể tứ cận thửa đất 234, diện tích 180m² như sau:

Phía Bắc giáp đường bê tông xóm, có kích thước 3,86m;

Phía Nam giáp phần diện tích đất nông nghiệp của Nhà nước, kích thước 13,62m;

Phía Tây giáp lô đất số 02 – thửa 65, đất đầu giá của UBND xã Trung Phúc C, kích thước 23,16m;

Phía Đông giáp đất hai cạnh phía thửa đất số 235 có các kích thước 12,76m và 9,71m; giáp đất vườn của gia đình ông Hồ Đình Nhật, kích thước 9,18m;

(có sơ đồ kèm theo)

2.3. Anh Nguyễn Ngọc L và chị Đặng Thanh Ng có trách nhiệm liên hệ đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.4. Buộc chị Đặng Thanh Ng phải trích chênh lệnh tài sản cho anh Nguyễn Ngọc L số tiền 53.000.000đ (Năm mươi ba triệu đồng).

2.5. Các phần tài sản xây dựng ngoài diện tích Thửa đất số 66, tờ bản đồ 13, gồm: 01 đoạn tường rào dài 21,82m, cổng trụ cổng phía Bắc; 01 đoạn hàng rào thép gai B40 dài 14,62m phía Tây (nằm trên thửa đất lô số 2, thửa đất 65), các đương sự phải tháo dỡ khi có yêu cầu.

3. Về án phí: Chi Đặng Thanh Ng phải chịu 9.087.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 2.550.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004513 ngày 30/12/2021 và 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004691 ngày 06/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An. Miễn tiền án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho anh Nguyễn Ngọc L.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Nam Đ;
- Chi cục THADS huyện Nam Đ;
- UBND xã Trung Phúc C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA-Tòa GD, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Từ